TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HS-ST
Ngày 14 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lăng Đức Quang

Ông Hoàng Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chữ - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 23/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HS ngày 01/6/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 13/02/1999 tại huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi thường trú: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; căn cước công dân số 026099005899 do Cục Trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/12/2021; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1970; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/12/2022 đến ngày 17/01/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh đến ngày 13/3/2023 bị cáo bỏ trốn. Bị cáo bị truy nã, theo Quyết định truy nã số 01/QĐTN-CSĐT ngày 20/4/2023 của Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Hà Giang. Ngày 01/6/2023 bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Bị hại:

+ Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Đức P (chồng của bà Phạm Thị T1), sinh năm 1964; Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt

+ Anh Phạm Duy H1, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt

+ Anh Đỗ Duy T2, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt

- *Người làm chứng:*

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970. Có mặt

+ Anh Trần Quang V1, sinh năm 1988. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1999, trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, đang là sinh viên Trường Cao đẳng T3 và Công nghiệp có địa chỉ tại phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, do không có tiền tiêu vặt nên đã nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Nguyễn Văn T đã lựa chọn địa bàn huyện B, tỉnh Hà Giang để thực hiện hành vi phạm tội, do trước đó gia đình T làm ăn, sinh sống ở huyện Q, tỉnh Hà Giang nên có thường xuyên qua lại địa bàn huyện B, tỉnh Hà Giang.

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 28/11/2022, Nguyễn Văn T đón xe khách đi từ thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc lên huyện B, tỉnh Hà Giang. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T xuống xe tại ngã tư xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang, sau đó T đi bộ dọc theo đường Q hướng Hà Giang - Tuyên Quang để xem nhà nào có sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đi bộ được khoảng 02 km, T nhìn thấy phía bên phải đường trong sân của gia đình ông Phạm Đức P, sinh năm 1964, trú tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang có dựng 01 (*một*) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 23D1-167.06 của gia đình ông P, T đi vào trong sân quan sát thấy không có người trông coi, chìa khóa xe vẫn cắm trong ổ điện, nên đã dắt chiếc xe mô tô đi ra ngoài đường Quốc lộ, sau đó nổ máy và điều khiển chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được đi theo hướng Hà Giang - Tuyên Quang về phòng trọ của mình tại thôn Y, thị trấn X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 29/11/2022, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 23D1-167.06 xuống thành phố Hà Nội bán cho một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ được 4.200.000đ (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*), số tiền này T đã chi tiêu cá nhân hết.

Vào khoảng 14 giờ ngày 02/12/2022, sau khi chi tiêu hết số tiền 4.200.000đ (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*), Nguyễn Văn T tiếp tục nảy sinh ý định trộm cắp tài sản là xe mô trên địa bàn huyện B, tỉnh Hà Giang, nên đã đón xe khách đi từ thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc đến đã ngã tư xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang vào khoảng 18 giờ cùng ngày. T đi bộ dọc theo đường Quốc lộ 2 về hướng Tuyên Quang để xem nhà nào có sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đi được khoảng 01km, T phát hiện phía bên trái đường (hướng Hà Giang - Tuyên Quang) trước cửa nhà anh Trần Quang V1, sinh năm 1988, trú tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang có dựng 01 (*một*) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát 23D1-202.16 của anh

Trần Duy H2, sinh năm 1986 trú cùng thôn đang chơi ở nhà Trần Quang V1. Thiện quan sát thấy không có ai, nên đã đi đến gần vị trí dựng xe mô tô và thấy chìa khóa xe vẫn cắm trong ổ khóa, T dắt chiếc xe mô tô đi ra ngoài đường Quốc lộ, sau đó nổ máy và điều khiển chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được đi theo hướng Hà Giang - Tuyên Quang về phòng trọ của mình. Khi đi được khoảng 10km, T phát hiện phía bên trái đường (hướng Hà Giang - Tuyên Quang) phía trước cửa nhà anh Đỗ Duy T2, sinh năm 1994, trú tại thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang có dựng 01 (*một*) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh đen bạc, biên kiểm soát 23D1-376.50 của anh T2, T quan sát thấy không có ai nên đã dừng và để chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23D1-202.16 ở cạnh đường, sau đó tiến đến vị trí dựng xe mô tô biển kiểm soát 23D1-376.50 thấy chìa khóa xe máy vẫn cắm trong ổ khóa nên đã dắt ra ngoài đường Quốc lộ, sau đó nổ máy và điều khiển đi theo hướng Hà Giang - Tuyên Quang về phòng trọ của mình và bỏ lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23D1-202.16 của anh Phạm Duy H1 ở cạnh đường gần nhà anh Đỗ Duy T2. Đến ngày 04/12/2022, Nguyễn Văn T mang chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23D1-376.50 xuống thành phố Hà Nội bán cho một người đàn ông không quen biết với giá 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*), số tiền này T đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ông Phạm Đức P, anh Phạm Duy H1 và anh Đỗ Duy T2 đã tổ chức tìm kiếm nhưng không thấy nên đã làm đơn đề nghị Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B giải quyết theo quy định pháp luật. Trong lúc tìm kiếm, Anh Đỗ Duy T2 phát hiện phía ngoài gần đường Quốc lộ 2 có dựng 01 (*một*) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát 23D1-202.16; ông Phạm Đức P đã kiểm tra camera an ninh của gia đình và phát hiện vào lúc 19 giờ 13 phút ngày 28/11/2022 có một nam thanh niên mặc quần áo màu đen, đi giày đen, đeo khẩu trang màu trắng, khoác ba lô màu đen và đội mũ lưỡi chai màu đen đã lấy trộm chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23D1-167.06 của gia đình ông. Sau khi tiếp nhận tin báo, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành thu thập hình ảnh của đối tượng đã trộm cắp tài sản thông qua camera an ninh của gia đình ông Phạm Đức P và thông báo truy tìm đối tượng. Qua quá trình làm việc với Công an xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đã xác định được người thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô của gia đình ông Phạm Đức P có nhiều đặc điểm giống với Nguyễn Văn T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành triệu tập Nguyễn Văn T đến làm việc, tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Ngày 08/12/2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ban hành Yêu cầu định giá tài sản số: 47/YC-ĐGTS đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B định giá 03 (*ba*) chiếc xe mô tô bị cáo đã trộm cắp. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 48/KL-HĐĐGTS ngày 11/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận:

- 01 (*một*) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE ALPHA, màu sơn trắng đen bạc, năm sản xuất 2014, BKS 23D1-167.06; số khung: 1213DY372333; số máy: C12E-5372423; xe đã qua sử dụng. Thời điểm định giá tháng 12/2022, có giá trị là 10.170.000đ (*mười triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*).

- 01 (*một*) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, màu sơn đỏ đen, năm sản xuất 2015, BKS 23D1-202.16; số khung: 3202EY050536; số máy: JA32E1111942; xe đã qua sử dụng. Thời điểm định giá tháng 12/2022, có giá trị là 10.830.000đ (*mười triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*).

- 01 (*một*) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE ALPHA, màu sơn xanh đen bạc, năm sản xuất 2019, BKS 23D1-376.50; số khung: RLHJA391XKY178646; số máy: JA39E1036355; xe đã qua sử dụng. Thời điểm định giá tháng 12/2022, có giá trị là 14.000.000đ (*mười bốn triệu đồng*).

Tổng giá trị tài sản là **35.000.000đ (*ba mươi lăm triệu đồng*)**.

Ngày 10/01/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số: 09/QĐ-CSĐT, trưng cầu Phòng K - Công an tỉnh T giám định kỹ thuật số và điện tử đối với tệp video có tên 8493759199533863543; 1/3/2023 9:40 AM; MP4 File; 2,284 KB; thời lượng 00 phút 19 giây có bị cắt ghép chỉnh sửa nội dung hình ảnh không? Tại Bản kết luận giám định số 163/KL-KTHS ngày 17/01/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong file video gửi giám định.

Với chứng cứ và hành vi trên, tại Cáo trạng số 25/CT-VKSBQ ngày 06/3/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản".

Về Điều luật áp dụng và hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 01/6/2023), được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 07/12/2022 đến ngày 17/01/2023.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường về phần dân sự cho ông Phạm Đức P số tiền là 13.000.000đ (*mười ba triệu đồng*); cho anh Đỗ Duy T2 số tiền là 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*), ông Phạm Đức P và anh Đỗ Duy T2 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Anh Phạm Duy H1 đã nhận lại được tài sản nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Ông Nguyễn Văn H là bố của bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thay cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã bồi thường nên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra có tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu để điều tra, do không liên quan đến hành vi phạm tội,Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo nhất trí với tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội. Bị hại đề nghị xử phạt bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên toà Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại, người đại diện của bị hại và người làm chứng, nhưng trước đó họ đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và có đầy đủ lời khai có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Xét thấy sự vắng mặt của người tham gia tố tụng không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và phù hợp với lời khai của các bị hại và và người làm chứng; các biên bản sự việc; các biên bản xác định hiện trường; bản ảnh xác định hiện trường; biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường và bản ảnh khám nghiệm hiện trường; biên bản họp định giá tài sản ngày 11/12/2022 và bản kết luận 48/KL-HĐĐGTS ngày 11/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B; Bản kết luận giám định số 163/KL-KTHS ngày 17/01/2023 của Phòng K Công an tỉnh T, cùng tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Trong các ngày 28/11/2022 và ngày 02/12/2022, lợi dụng sự sơ hở của các chủ sở hữu đối với tài sản, bị cáo Nguyễn Văn T lén lút thực hiện hành vi trộm các tài sản là 03 chiếc xe máy, tổng trị giá tài sản bị cáo trộm cắp đã định giá là 35.000.000đ (*ba mươi lăm triệu đồng*). Do đó bị cáo

Nguyễn Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang đã truy tố.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, chỉ trong một thời gian ngắn bị cáo đã liên tục xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ. Đồng thời còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì ham chơi, lười lao động, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của các chủ sở hữu lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác 03 lần, mỗi lần là 01 chiếc xe máy và bán được 02 chiếc xe máy với số tiền là 15.200.000[đ] bị cáo đã tiêu sài hết cho mục đích của cá nhân. Ngoài ra trong thời gian được bảo lĩnh bị cáo đã bỏ chốn và bị truy nã làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, điều đó cho thấy bị cáo có lối sống coi thường pháp luật. Do đó, cần có mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 03 lần, mỗi lần 01 chiếc xe máy, giá trị tài sản của mỗi lần trộm cắp đã định giá đều trên 2.000.000 đồng, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là "Phạm tội 02 lần trở lên" được quy tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại và các bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, quá trình bị cáo bị truy nã bị cáo đã ra đầu thú, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần xem xét giảm nhẹ phần nào mức án để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo đang là sinh viên không có thu nhập, không có tài sản riêng có giá trị, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường về phần dân sự cho ông Phạm Đức P số tiền là 13.000.000đ (*mười ba triệu đồng*); ông Đỗ Duy T2 số tiền là 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*); Riêng ông Phạm Duy H1 đã nhận lại được tài sản, cả ba bị hai đều không yêu cầu bồi thường khoản nào khác. Đối với ông Nguyễn Văn H là bố của bị cáo tại giai đoạn điều tra đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thay cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra có tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu để điều tra, do không liên quan đến hành vi phạm tội, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo đang bị tạm giam: Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Xét thấy, cần thiết tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T để bảo đảm việc thi hành án, thời hạn tạm giam đối với bị cáo là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

[11] Trong vụ án này, Nguyễn Văn T đã bán xe mô tô trộm cắp được cho hai người đàn ông không quen biết tại thành phố Hà Nội, không biết rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể. Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã tiến hành xác minh nhưng không có kết quả nên không có căn cứ để điều tra tiếp theo. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Từ những phân tích nêu trên, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết vụ án, đề nghị về tội danh, đề nghị áp dụng điều luật và mức hình phạt đối với bị cáo, đề nghị về án phí là hoàn toàn có cơ sở và đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136, các Điều 331, 333, 336, 337 của Bộ luật tố Tụng hình sự; Điều 3, Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 01/6/2023), được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 07/12/2022 đến ngày 17/01/2023.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T để bảo đảm việc thi hành án, thời hạn tạm giam đối với bị cáo là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người

đại diện của của bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án sao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Tuấn Vĩnh